

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: **190/2022/DS-PT**
Ngày: 29/12/2022
V/v: “*Tranh chấp HĐ mua bán
hang hóa*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ký

Các thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương

Ông Nguyễn Trung Hưng

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Lâm Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đ xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 200/2022/QĐ-PT ngày 09 tháng 12 năm giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông **Vũ Đỗ Hùng T**, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh L.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn V**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc A**, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã N, huyện Đ, tỉnh L.

2/ Bà **Trần Thị K**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Ấp 4, xã Đ, huyện T, tỉnh Đ.

- Người đại diện theo ủy quyền của ông T, bà A: Ông **Đặng Văn T**, sinh năm 1981 (*Theo văn bản ủy quyền ngày 28/5/2021*)

Địa chỉ: Sô 2627/6, Tổ 3, Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đ.

(Bà K, ông T có mặt; ông V có đơn xin vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đặng Văn T trình bày:

Ông Vũ Đỗ Hùng T có quen biết ông Nguyễn Văn V do có mối quan hệ công việc, làm ăn nên anh V có đặt vấn đề mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và có giao kết hợp đồng mua bán, cụ thể:

- Ngày 11/12/2018, ông T bán cho ông V gồm: 01 tấn Lân Supbe với đơn giá là 3.100đ, thành tiền là 31.100.000đ; 05 tấn phân NPK 16-16-16 đơn giá 13.900đ, thành tiền 69.500.000đ; 06 tấn phân NPK 18-6-18 đơn giá 13.300đ, thành tiền 79.800.000đ; 02 tấn phân NPL 19-16-8 đơn giá 13.200đ, thành tiền 26.400.000đ;

- Ngày 17/12/2018, ông T tiếp tục bán cho ông V gồm: 02 thùng Vitrobim, thành tiền 21.800.000đ; 02 thùng Classico, thành tiền 12.400.000đ;

Tổng số tiền ông V mua hàng của ông T là 240.900.000đ.

Ông T nhiều lần yêu cầu ông V thanh toán thì ông V có viết cho ông T giấy nhận nợ đề ngày 13/5/2019 âm lịch với số tiền nợ gốc là 240.900.000đ. Ông T xác định chữ viết, chữ ký thể hiện trong giấy ghi ngày 13/5/2019 là do chính ông V là người đã viết và ký tên, ghi họ tên.

Do ông V đã vi phạm thời hạn trả nợ nên ông T yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho ông T, bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền mua phân, thuốc bảo vệ thực vật còn nợ gốc là 240.900.000đ (hai trăm bốn mươi triệu chín trăm nghìn đồng) và tiền lãi là 115.969.000đ tổng cộng là 356.869.000đ và sẽ tiếp tục tính lãi suất đến ngày xét xử sơ thẩm.

Lý do ông V, bà K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ vì ông bà tại địa phương không kinh doanh làm ăn riêng, việc ông V mua phân bón, thuốc thực vật để kinh doanh cây giống kiếm thêm thu nhập làm kinh tế gia đình.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 01/12/2021, ngày 04/4/2022 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K trình bày: Bà K là vợ của ông V, bà đang buôn bán nông sản ở tỉnh L và 01 số tỉnh lân cận miền tây. Ông V thì buôn bán tại cửa khẩu B, L. Trước đây ông V nhận thầu nhà vườn để trồng khoai lang (cung cấp máy móc, dây khoai giống, và phân bón, thuốc thực vật). Tuy nhiên dây giống bị héo xanh nên trồng được khoảng 01 thời gian thì chết non vì vậy nhà vườn không có thu nhập nên họ không thanh toán lại số tiền ông V đã trả trước cho các nhà cung cấp khác trong đó có phân bón, thuốc thực vật của ông T. Bà cho rằng thời điểm ông V nhận thầu nhà vườn thì ông bà sống ly thân và bà không rõ số tiền ông V đầu tư là bao nhiêu, việc nhận thầu và cũng như mua bán với các nhà cung cấp là do ông V làm 01 mình. Ông T có đến gặp hỏi về số tiền phân bón chưa thanh toán nhưng bà không kinh doanh chung với ông V nên không biết ông V nợ ông T là bao nhiêu. Nay ông T khởi kiện ông V và bà liên đới trả nợ cho ông T số tiền mua phân bón, thuốc thực vật từ tháng 12/2018 là

240.900.000đ thì bà đồng ý trả cho ông T. Riêng số tiền lãi là 115.969.000đ thì bà xin không trả lãi.

Quá trình thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo quy định (có vợ, con cùng chung hộ khẩu ký nhận văn bản) nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn V đều vắng mặt không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Vì vậy Tòa án không ghi được lời khai hay yêu cầu của ông V liên quan đến nội dung vụ án. Theo phiếu kết quả xác minh tại địa phương thể hiện ông V, bà K có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương nhưng ông V thường xuyên vắng mặt tại địa phương. Tòa án đã mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/3/2022, tuy nhiên do ông V đã được triệu tập họp lệ đến 02 lần nhưng không đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải, bà K có đơn vắng mặt. Vì vậy Tòa án chỉ mở phiên họp công khai chứng cứ và thông báo kết quả phiên họp cho ông V, bà K biết quy định tại khoản 3, Điều 210 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ.

- Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; Điều 238; Điều 147; Điều 185; khoản 1, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 429, 357, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 688 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2012/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đỗ Hùng T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đỗ Hùng T và bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền mua phân bón gốc còn nợ là 240.900.000đ và tiền lãi 151.826.000đ. Tổng cộng 392.726.000đ (Ba trăm chín mươi hai triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng)

3/ Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải trả cho ông Vũ Đỗ Hùng T số tiền chi phí giám định là 5.000.000đ.

4/ Về án phí:

- Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải nộp 19.636.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Vũ Đỗ Hùng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.922.000đ theo biên lai số 0004207 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 29/7/2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS - ST ngày 12/7/2022, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm. Bà K kháng cáo cho rằng trong quá trình lấy lời khai “nội dung” không đúng với lời khai của bà vào ngày 01/12/2021 và ngày 04/4/2021. Bà không thừa nhận liên đới trả số nợ cho ông Vũ Đỗ Hùng T vì trước khi ông T giao dịch việc mua phân bón và thuốc bảo vệ thực vật với ông Nguyễn Văn V là trong thời kỳ bà với ông V đã sống ly thân nên không can thiệp với việc giao dịch giữa ông T với ông V, bà không ký bất cứ giấy tờ gì liên quan đến ông T, cấp sơ thẩm thay đổi và nhận định lời khai không đúng với lời khai của bà. Nội dung kháng cáo này của bà K là không có căn cứ vì mục đích ông V mua phân bón

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tại phiên tòa:

Việc chấp hành pháp luật về tố tụng: Thẩm phán, hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo của bà K:

.....
.....
.....
.....

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần kháng cáo của bà D về số tiền đền bù nhà vệ sinh, nhà bếp giếng nước. Chấp nhận một phần kháng cáo về số tiền công quản lý di sản; không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, bà L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà Trần Thị K trong hạn luật định. Bà K đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ và tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định: Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đỗ Hùng T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đỗ Hùng T và bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền mua phân bón gốc còn nợ là 240.900.000đ và tiền lãi 151.826.000đ, tổng cộng 392.726.000đ là có căn cứ pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn tự nguyện giảm 02 tháng tiền lãi và yêu cầu tính lãi 10%/năm đối với số nợ gốc nên yêu cầu ông V, bà K liên đới trả tổng cộng **311.162.500đ**, trong đó gốc là 240.900.000đ và tiền lãi là 35 tháng x 2.007.500đ/tháng = 70.262.500đ. Đối với 5.000.000đ chi phí tố tụng, nguyên đơn đã nộp đủ và không yêu cầu ông V, bà K trả lại. Sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật nên được ghi nhận.

Bà Trần Thị K kháng cáo cho rằng biên bản lấy lời khai ngày 01/01/2021 và ngày 04/4/2021 “nội dung” không đúng với lời khai của bà. Bà và ông V đã

sống ly thân, việc ông V làm ăn bà không can thiệp, bà không ký vào giấy tờ gì liên quan đến việc ông V mua hàng. Tuy nhiên, tại biên bản làm việc ngày 01/01/2021 và biên bản ngày 04/4/2021 đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nội dung kháng cáo này của bà K là không có căn cứ vì mục đích ông V mua phân bón về do nhận thầu nhà vườn để trồng khoai lang kiếm thêm thu nhập làm kinh tế gia đình. Bà K là vợ ông V cũng thừa nhận và đồng ý liên đới cùng ông V thanh toán cho ông T số tiền mua phân bón còn nợ là 240.900.000đ. Vì vậy bà K phải chịu trách nhiệm liên đới cùng trả khoản nợ do ông V thực hiện quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình. Tại Tòa bà K không có chứng cứ bị ép buộc ký những văn bản này cấp sơ thẩm buộc bà K phải liên đới cùng trả nợ với ông V là có căn cứ pháp luật.

+ Đối với nội dung bà K kết kháng cáo cho rằng Tòa án huyện T vi phạm tố tụng khi mở phiên tòa xét xử, không thực hiện việc tổng đạt các quyết định đưa vụ án ra xét xử trực tiếp hoặc niêm yết tại nơi cư trú, Tòa án không niêm yết tại UBND xã Đ nhưng vẫn đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Tuy nhiên, tại các bút lục 114 - 117; các bút lục 123 - 125 thể hiện Tòa án huyện T đã niêm yết đúng quy định của pháp luật, ngoài ra con trai là Nguyễn Vinh P cùng cư trú cũng nhận thay. Do vậy, bà K kháng cáo nội dung này là không có căn cứ chấp nhận.

Từ nội nhận định trên, hội đồng xét xử xét thấy bà K kháng cáo yêu cầu hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 17/2022/DS - ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T là không có căn cứ.

Về án phí sơ thẩm: Do nguyên đơn tự nguyện giảm tiền lãi nên cần sửa án phí về án phí. Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải nộp 15.558.125đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Đỗ Hùng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.922.000đ theo biên lai số 0004207 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà Trần Thị K số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002683 ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đ.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017). Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị K, sửa bản án sơ thẩm số 17/2022/DS-ST ngày 12/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Đ về tiền lãi, án phí và chi phí tố tụng.

2. Áp dụng các Điều 429, 357, 430, 431, 432, 433, 434, 435, 436, 440, 688 Bộ luật dân sự 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

- Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2012/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Vũ Đỗ Hùng T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

2/ Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho ông Vũ Đỗ Hùng T và bà Nguyễn Thị Ngọc A số tiền mua phân bón gốc còn nợ là 240.900.000đ và tiền lãi 70.262.500đ. Tổng cộng **311.162.500đ.**

3/ Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Đỗ Hùng T tự nguyện chịu chi phí giám định là 5.000.000đ. Ông T đã nộp xong.

4/ Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Buộc ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị K phải nộp 15.558.125đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông Vũ Đỗ Hùng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.922.000đ theo biên lai số 0004207 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Án phí phúc thẩm: Bà Trần Thị K không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả cho bà Trần Thị K số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số 0002683 ngày 05/8/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đ.

5. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TP. B;
- VKSND tỉnh Đ;
- Chi cục THADS TP. B;
- Đường sự trong vụ án;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ký